

Số tham chiếu: 61002130/16310873

BÁO CÁO VỀ KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn

Chúng tôi đã soát xét các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn ("Ngân hàng") và công ty con được trình bày từ trang 6 đến trang 71, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Điều hành của Ngân hàng. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có sự đảm bảo vừa phải về việc liệu các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có còn các sai sót trọng yếu hay không. Công tác soát xét chủ yếu bao gồm việc trao đổi với nhân viên của Ngân hàng và áp dụng các thủ tục phân tích đối với những thông tin tài chính. Do đó, công tác soát xét cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Dựa trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để cho rằng các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Ngân hàng và công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Hệ thống kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và tuân thủ theo các quy định liên quan của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Chúng tôi xin lưu ý một số vấn đề sau:

1. Kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 là kỳ kế toán giữa niên độ đầu tiên Ngân hàng lập các báo cáo tài chính giữa niên độ theo quy định cho kỳ kế toán sáu tháng. Do đó, số liệu trên các báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày đã được sử dụng làm số liệu so sánh và trình bày là số dư đầu kỳ trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày cho mục đích tham khảo.
2. Như được trình bày trong *Thuyết minh 11.1 - Chứng khoán nợ đầu tư sẵn sàng để bán*, bao gồm trong các chứng khoán nợ đầu tư sẵn sàng để bán tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2013 là một số khoản đầu tư trái phiếu doanh nghiệp quá hạn. Do hiện nay chưa có quy định và hướng dẫn cụ thể về việc trích lập dự phòng đối với các khoản đầu tư trái phiếu nên Ngân hàng chưa thực hiện việc trích lập dự phòng đối với các trái phiếu này.
3. Như được trình bày trong *Thuyết minh 14.1 - Các khoản phải thu*, bao gồm trong các khoản phải thu của Ngân hàng tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2013 là một số khoản phải thu đã bị quá hạn nhưng đã được Ngân hàng gia hạn thanh toán trong các quý tiếp theo của năm 2013 dựa trên việc đánh giá khả năng thu hồi từ các khách hàng. Vì vậy, Ngân hàng không trích lập dự phòng đối với các khoản phải thu đã gia hạn theo quy định hiện hành.



Building a better
working world

4. Bao gồm trong khoản lãi dự thu cho vay khách hàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 (*Thuyết minh 14.3 - Các khoản lãi, phí phải thu*) có lãi dự thu của các khoản cho vay khách hàng có thời hạn trả lãi hàng năm và trên một năm vào cuối thời hạn của hợp đồng tín dụng. Ban Điều hành của Ngân hàng đã đánh giá khả năng thu hồi của các khoản lãi dự thu này và tin tưởng rằng số tiền lãi dự thu này sẽ được các khách hàng thanh toán đầy đủ theo lịch thanh toán thỏa thuận.
5. Như được trình bày trong *Thuyết minh 41.3 - Rủi ro thanh khoản*, tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Ngân hàng có các khoản nợ đã quá hạn thanh toán bao gồm tiền gửi và vay các TCTD khác và các khoản nợ khác. Ngân hàng đồng thời cũng có một số khoản phải thu đã quá hạn nhưng chưa thu hồi được gây ra những khó khăn về thanh khoản và hoạt động kinh doanh của Ngân hàng. Ban Điều hành của Ngân hàng đã nhận biết được các vấn đề này và đã thực hiện các biện pháp cần thiết để duy trì hoạt động kinh doanh liên tục như tăng cường thu hồi các khoản nợ đến hạn và nợ xấu, duy trì tiền gửi của các khách hàng cũ và tăng cường tìm kiếm các khách hàng mới, tìm kiếm sự hỗ trợ tài chính từ các TCTD khác, kiểm soát chặt chẽ các khoản chi phí hoạt động... Đồng thời, Ngân hàng cũng đang tiếp tục thực hiện các giải pháp cơ cấu danh mục tài sản có và tái cấu trúc Ngân hàng để ổn định hoạt động và nâng cao thanh khoản của Ngân hàng. Ngoài ra, Ngân hàng đã lên kế hoạch tăng vốn điều lệ từ 10.583.801 triệu đồng lên 13.583.801 triệu đồng trong năm 2013 nhằm tăng cường năng lực tài chính của Ngân hàng. Tính đến thời điểm lập các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ngân hàng cũng đã tắt toán toàn bộ gốc và lãi liên quan đến khoản vay tái cấp vốn từ NHNN. Ban Điều hành của Ngân hàng tin tưởng rằng với việc thực hiện các biện pháp nêu trên thì Ngân hàng sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh trong thời gian tới. Vì vậy, các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Xuân Đại
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0452-2013-004-1

Nguyễn Quốc Tuấn
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1841-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2013

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

B02a/TCTD-HN

	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2013 triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 triệu đồng
TÀI SẢN			
Tiền mặt, vàng bạc và đá quý	5	10.340.334	4.334.887
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	6	3.207.886	3.198.842
Tiền, vàng gửi tại và cho vay các tổ chức tín dụng ("TCTD") khác	7	3.575.265	1.832.676
Tiền gửi tại các TCTD khác	7.1	2.252.221	547.336
Cho vay các TCTD khác	7.2	1.323.044	1.285.340
Dự phòng rủi ro cho vay các TCTD khác		-	-
Chứng khoán kinh doanh		-	-
Chứng khoán kinh doanh		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		-	-
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	8	37.529	97.192
Cho vay khách hàng		92.002.885	87.165.574
Cho vay khách hàng	9	93.614.099	88.154.900
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	10	(1.611.214)	(989.326)
Chứng khoán đầu tư	11	10.761.657	11.314.978
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		3.830.613	4.386.236
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		7.000.000	7.000.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư		(68.956)	(71.258)
Góp vốn, đầu tư dài hạn	12	71.558	71.558
Đầu tư dài hạn khác		71.784	71.784
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(226)	(226)
Tài sản cố định	13	2.964.840	2.589.928
<i>Tài sản cố định hữu hình</i>	<i>13.1</i>	<i>1.257.282</i>	<i>916.626</i>
Nguyên giá tài sản cố định		1.627.210	1.256.728
Hao mòn tài sản cố định		(369.928)	(340.102)
<i>Tài sản cố định thuê tài chính</i>		-	-
Nguyên giá tài sản cố định		-	-
Hao mòn tài sản cố định		-	-
<i>Tài sản cố định vô hình</i>	<i>13.2</i>	<i>1.707.558</i>	<i>1.673.302</i>
Nguyên giá tài sản cố định		1.746.340	1.703.678
Hao mòn tài sản cố định		(38.782)	(30.376)
Bất động sản đầu tư		-	-
Nguyên giá bất động sản đầu tư		-	-
Hao mòn bất động sản đầu tư		-	-
Tài sản có khác	14	46.564.033	38.599.925
Các khoản phải thu	14.1	10.237.052	10.167.273
Các khoản lãi, phí phải thu	14.3	24.255.069	17.027.462
Tài sản có khác	14.4	12.149.240	11.482.518
Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác		(77.328)	(77.328)
TỔNG TÀI SẢN		169.525.987	149.205.560

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

B02a/TCTD-HN

	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2013 triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 triệu đồng
NỢ PHẢI TRẢ			
Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	15	2.800.000	9.772.303
Tiền, vàng gửi và vay các TCTD khác	16	15.393.754	18.250.965
Tiền, vàng gửi của các TCTD khác	16.1	10.250.619	15.369.503
Vay các TCTD khác	16.2	5.143.135	2.881.462
Tiền gửi của khách hàng	17	122.927.290	79.192.921
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay chịu rủi ro	18	3.282	6.672
Phát hành giấy tờ có giá	19	215.232	11.949.302
Các khoản nợ khác	20	16.770.816	18.663.332
Các khoản lãi, phí phải trả		3.015.015	2.851.142
Các khoản phải trả và công nợ khác		13.750.880	15.809.343
Dự phòng rủi ro khác	10	4.921	2.847
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		158.110.374	137.835.495
VỐN CHỦ SỞ HỮU			
Vốn và các quỹ			
Vốn		10.592.049	10.592.049
Vốn điều lệ	22.1	10.583.801	10.583.801
Vốn đầu tư xây dựng cơ bản	22.1	45	45
Thặng dư vốn cổ phần	22.1	95.912	95.912
Cổ phiếu quỹ	22.1	(87.709)	(87.709)
Các quỹ dự trữ	22.1	412.394	415.941
Lợi nhuận chưa phân phối	22.1	411.170	362.075
TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU		11.415.613	11.370.065
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		169.525.987	149.205.560

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

B02a/TCTD-HN

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2013 triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2012 triệu đồng
Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn			
Bảo lãnh vay vốn		21.538	22.639
Cam kết trong nghiệp vụ thư tín dụng		83.857	85.884
Bảo lãnh khác		235.025	152.109
		340.420	260.632
Trừ: giá trị ký quỹ		(21.300)	(23.684)
	36	319.120	236.948

Người lập:



Ông Nguyễn Văn Hùng
Giám đốc Kế toán

Người kiểm soát:



Ông Nguyễn Tuấn Cường
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Lê Khánh Hiền
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2013

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

B03a/TCTD-HN

	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 triệu đồng	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 triệu đồng
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	25	7.570.378	17.317.298
Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự	26	(6.335.908)	(14.121.347)
Thu nhập lãi thuần		1.234.470	3.195.951
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		14.118	28.405
Chi phí hoạt động dịch vụ		(15.379)	(37.285)
Lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ	27	(1.261)	(8.880)
Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	28	536.711	(1.104.279)
Lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	29	-	(41.153)
Thu nhập từ hoạt động khác		8.024	1.272.472
Chi phí từ hoạt động khác		(15.270)	(12.754)
(Lỗ)/lãi thuần từ hoạt động khác	30	(7.246)	1.259.718
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	31	6.009	9.504
TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG		1.768.683	3.310.861
Chi phí nhân viên		(288.462)	(693.078)
Chi phí khấu hao và khấu trừ		(70.787)	(125.047)
Chi phí hoạt động khác		(718.798)	(1.535.294)
TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	32	(1.078.047)	(2.353.419)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		690.636	957.442
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	10	(623.962)	(880.243)
TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ		66.674	77.199
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	21.1	(17.396)	(13.364)
LỢI NHUẬN SAU THUẾ CỦA CHỦ SỞ HỮU		49.278	63.835
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	23	47	61

Người lập:

Người kiểm soát:

Người phê duyệt:

Ông Nguyễn Văn Hùng
Giám đốc Kế toán

Ông Nguyễn Tuấn Cường
Kế toán Trưởng



Ông Lê Khánh Hiền
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2013